TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 465/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXX-ST ngày 28/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Phạm Minh X, sinh năm 1981; Nơi ĐKHKTT: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Tạm trú: đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Phạm Minh X tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2003, được UBND xã H, huyện T (nay huyện Đ), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 04/2003, ngày 10/4/2003. Sau khi cưới nhau về sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau nên vợ chồng không có hạnh phúc, các đương sự không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm và chăm sóc nhau nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Minh T1, sinh ngày 17/5/2003; Phạm Thị Minh T2, sinh ngày 11/02/2007 (hiện đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng). Nay ly hôn, nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Phạm Minh X trình bày: Thống nhất về quá trình kết hôn, mâu thuẫn trong hôn nhân, con chung và tài sản chung như nguyên đơn đã trình bày, bị đơn thống nhất ly hôn; Về con chung: đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với bị đơn Phạm Minh X. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Minh T1, sinh ngày 17/5/2003; Phạm Thị Minh T2, sinh ngày 11/02/2007 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng; Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T xin ly hôn với bị đơn Phạm Minh X; các đương sự có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân

dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T và bị đơn Phạm Minh X tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2003, được UBND xã H, huyện T (nay huyện Đ), tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 04/2003, ngày 10/4/2003 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh những mâu thuẫn như các đương sự đã trình bày, các đương sự không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Phạm Thị Minh T1 và Phạm Thị Minh T2. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Phạm Thị Minh T1, sinh ngày 17/5/2003; Phạm Thị Minh T2, sinh ngày 11/02/2007 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng; Bị đơn không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với bị đơn Phạm Minh X.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Minh T1, sinh ngày 17/5/2003; Phạm Thị Minh T2, sinh ngày 11/02/2007 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng; Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012087 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã H, huyện Đ,Phú Yên (Số 23; Quyển số 04/2003);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thúy Hằng